

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-PT
Ngày 17-02-2020
V/v tranh chấp quyền về lối đi qua

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán:

Ông Lê Minh Đạt

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLPT-DS ngày 03/01/2020 về “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2020/QĐ-PT ngày 17/01/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1948

2. Chị Bùi Thị Yến H, sinh năm 1970

3. Anh Bùi Mộng T, sinh năm 1976

4. Chị Bùi Thị Yến X, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Chị Bùi Mộng T1, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, chị T1, chị H, anh T: Chị Bùi Thị Yến X (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Đ: Ông Lê Châu T - Luật gia thuộc Hội luật gia tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963
2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1965
3. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986
4. Anh Nguyễn Kim Lan T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Đ, Chị Bùi Mộng T1, anh Bùi Mộng T, chị Bùi Thị Yến H, chị Bùi Thị Yến X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện các nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Đ, Chị Bùi Mộng T1, chị Bùi Thị Yến H, anh Bùi Mộng T, chị Bùi Thị Yến X cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Yến X trình bày:

Gia đình bà Đ có phần đất thuộc thửa số 630, 631, tờ bản đồ số 2 (theo đo đạc chính quy là thửa 2, tờ bản đồ số 19), tọa lạc Ấp H, xã T do chồng bà Đ là ông Bùi Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ông T đã chết vào năm 2011), còn chị Bùi Thị Yến N là con ruột của bà Đ và ông T cũng đã chết vào năm 2011 (không có chồng con). Từ phần nhà, đất của bà Đ muốn đi ra lộ công cộng phải đi qua thửa đất số 1, tờ bản đồ số 19, tọa lạc Ấp H, xã T của hộ gia đình ông T, bà L. Lối đi này đã hiện hữu rất lâu từ trước năm 1975 và hàng năm gia đình bà Đ đều có phụ tiền lối đi, mỗi một năm đưa tiền một lần, ban đầu đưa vài chục ngàn, sau đó vài trăm ngàn, chỉ thỏa thuận miệng chứ không có làm văn bản thỏa thuận, riêng phần lộ bê tông xi măng trên lối đi do gia đình ông T xây dựng.

Đến khoảng 16 giờ ngày 14/02/2019 gia đình ông T đã xây dựng hàng rào tạm (đổ gạch đá) chắn ngang lối đi vào nhà của gia đình bà Đ nên khi đó gia đình bà Đ có gửi đơn đến Ban hòa giải Ấp H để giải quyết mở lối đi. Sau khi hòa giải không thành, đến ngày 04/4/2019 gia đình ông T đã xây dựng tường rào kiên cố cao 2,3m, ngang 1,7m chắn ngang lối đi vào nhà của gia đình bà Đ nên gia đình bà Đ không còn lối đi nào khác để ra lộ công cộng, ngoài lối đi vào phần đất của gia đình ông T thì gia đình bà Đ không còn lối đi nào khác để ra lộ công cộng, đối với lối đi trên đất ông Nguyễn Văn M (em cùng cha khác mẹ với bà Đ) là do ông M chỉ cho đi tạm gần sát nhà ở buôn bán nước giải khát của ông M để chờ Tòa án giải quyết vụ việc lối đi với gia đình ông T vì từ trước đến giờ gia đình bà Đ không có đi qua đất ông M để ra lộ công cộng.

Thời gian gần đây, chị H đang xây cất nhà ở kiên cố trên đất của bà Đ nên có hỏi ông M cho đi tạm trên đất ông M để chở vật liệu xây dựng từ lộ bê tông vào phần đất bà Đ, lối đi tạm có chiều rộng khoảng 3m đã được rào lưới B40 ở vị trí giáp đường bê tông cập ranh đất với ông Trần Duy T. Phần đất của ông M không có lối đi sẵn, trên đất ông M có 09 ngôi mộ của ông bà nên đi bên cạnh mộ là

không thuận tiện, hơn nữa ông M dự định xây cất tiệm internet cho con trai (tại phần đất mà chị H hỏi đi tạm để cất nhà) nên sẽ không còn lối đi nào cho gia đình bà Đ đi nữa.

Đối với sự việc chị X xúc phạm danh dự bà L và ném gạch đá vào nhà ông T, bà L là do trước đó bà L, ông T nhiều lần rào chắn lối đi bằng việc đổ gạch đá trên lối đi và bà Đ bị bệnh cao huyết áp khi đêm khuya không có lối đi ra lộ công cộng được nên vào ngày 27/02/2019 mới xảy ra sự việc cự cãi và xô xát giữa 02 bên.

Nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu mở lối đi trên đất của hộ ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị L, cụ thể: yêu cầu hộ gia đình ông T (bao gồm: ông T, bà L, anh L và anh T) phải mở lối đi cho gia đình bà Đ để đi từ nhà ra lộ công cộng có chiều ngang lần lượt là 1.62m và 1.42m, chiều dài tính theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất với diện tích là 47,9m², chiều cao là 4m, lối đi tọa lạc trên thửa đất số 1, tờ bản đồ số 19, tọa lạc Ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre của hộ gia đình ông T, bà L.

Gia đình bà Đ đồng ý hỗ trợ bồi thường giá trị phần đất lối đi là 50.000.000 đồng, đồng ý bồi thường các vật kiến trúc gồm phần hàng rào xây tường cao 2,3m, ngang 1,7m rào chắn lối đi và cổng rào khung thép hình tại vị trí điểm số 2 trên Họa đồ mà gia đình ông T làm cổng rào (cổng rào khép lại được) và các cây trồng trên lối đi cho gia đình ông T theo giá mà Hội đồng định giá đưa ra. Các vật kiến trúc khác là tường rào ranh của gia đình ông T không ảnh hưởng đến lối đi nên không yêu cầu tháo dỡ, di dời. Nguyên đơn thống nhất với kết quả xem xét thẩm định, đo đạc, định giá.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Gia đình ông T không đồng ý mở lối đi cho gia đình bà Đ. Lý do gia đình ông T không đồng ý cho mở lối đi là vì: Trước đây gia đình bà Đ và các hộ dân khác đi qua đất gia đình ông T là vì đất trống chỉ có thổ mộ thân tộc ông T, không có xây dựng nhà cửa nên gia đình ông T cho các hộ này đi tạm để ra lộ công cộng chứ không đồng ý cho đi vĩnh viễn, hơn nữa trước đây gia đình bà Đ vẫn đi qua đất ông M (tên thường gọi là D) là em ruột bà Đ để ra lộ công cộng, ngoài ra là để đảm bảo tài sản của gia đình ông T không bị mất mát khi có người khác vào đất gia đình ông T do ông T đã xây dựng nhà ở tại đây (xây nhà năm 2018) và diện tích đất còn lại ít chỉ còn 452,8m² và có thổ mộ của thân tộc ông T (gồm 15 ngôi mộ) nên không thuận tiện mở lối đi cho gia đình bà Đ; hơn nữa chị X còn có hành vi xúc phạm danh dự, dùng cây và dao hành hung bà L và ném gạch đá vào nhà ông T, bà L.

Gia đình bà Đ đi trên đất gia đình ông T từ năm 2000 chứ không phải từ trước năm 1975 vì trước năm 2000 gia đình bà Đ đi qua đất ông M để ra lộ công cộng. Ngày 14/02/2019 gia đình ông T có đổ gạch đá trên đất để xây hồ chứa nước sinh hoạt, không phải là rào chắn lối đi như chị X trình bày. Thực tế hiện nay gia đình bà Đ vẫn có lối đi qua đất ông M để ra lộ công cộng (lộ bê tông Ấp H), ngoài lối đi mà Tòa án thẩm định thì gia đình bà Đ còn có thể đi ở những vị trí khác trên

đất ông M để ra lộ công cộng được vì chiều rộng phần đất ông M giáp với lộ bê tông Ấp H là rất nhiều, hiện tại gia đình bà Đ đang xây dựng nhà ở kiên cố trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 19 và vận chuyển vật liệu xây dựng từ lộ bê tông Ấp H qua đất ông M để vào nhà, đất gia đình bà Đ chiều rộng là 3m chỉ có rào bằng lưới B40. Do đó, gia đình bà Đ mở lối đi trên đất ông M là thuận tiện hơn. Bị đơn thống nhất với kết quả xem xét thẩm định, đo đạc, định giá.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện N đã áp dụng Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 171 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Đ, Chị Bùi Mộng T1, chị Bùi Thị Yến H, anh Bùi Mộng T, chị Bùi Thị Yến X về việc yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị L, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Kim Lan T mở lối đi có diện tích là 47,9m², chiều cao là 4m, lối đi thuộc một phần thửa đất số 1, tờ bản đồ số 19 (thửa 1A), tọa lạc Ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị L. *(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).*

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/9/2019, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Đ, Chị Bùi Mộng T1, anh Bùi Mộng T, chị Bùi Thị Yến H, chị Bùi Thị Yến X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc mở lối đi qua trên đất của hộ ông Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Bùi Thị Yến X đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn khác vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, chị X trình bày: Hiện tại, gia đình chị được ông M cho đi lại trên đất nhưng chỉ là lối đi tạm, sát với nhà ông M, chiều ngang chỉ có 03-04 tấc đi lại không thuận tiện. Đối với lối đi 03 m theo nhận định của bản án sơ thẩm thì ông M cho mở tạm để chở vật liệu xây dựng, hiện giờ ông M đã rào lại bằng lưới B40. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của gia đình chị, mở lối đi theo yêu cầu khởi kiện trên đất của hộ ông Nguyễn Văn T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn là ông Lê Châu T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Bởi lẽ, lối đi này đã hiện hữu rất lâu từ trước năm 1975 và hàng năm gia đình bà Đ đều có phụ tiền lối đi cho gia đình ông T, trước đây còn có nhiều hộ khác đi qua đất ông T để đi ra lộ công cộng, sau này các hộ khác có lối đi khác nên chỉ còn hộ bà Đ đi qua đất gia đình ông T. Đối với lối đi trên đất ông M chỉ là lối đi tạm, không có lối đi sẵn, không thuận tiện do có nhiều mồ mã ông bà, hơn nữa ông M cũng không đồng ý cho gia đình bà Đ mở lối đi trên đất ông M. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định

là có lỗi đi trên đất của ông M nhưng không đưa ông M tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng, không giải quyết triệt để vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm để giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Hiện tại phía nguyên đơn có lỗi đi khác trên phần đất của ông M, đồng thời nếu mở lối đi trên phần đất của ông M sẽ thuận lợi hơn so với lối đi mà nguyên đơn yêu cầu mở trên phần đất của bị đơn nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Đ, Chị Bùi Mộng T1, anh Bùi Mộng T, chị Bùi Thị Yến H, chị Bùi Thị Yến X; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Do phần nhà, đất của gia đình bà Đ bị vây bọc bởi bất động sản của các chủ sở hữu khác là hộ ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn M, không có lối đi ra đường công cộng nên gia đình bà khởi kiện yêu cầu mở lối đi. Lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn qua đo đạc thực tế có diện tích 47,9m², thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 19, tọa lạc Ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre do hộ ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng nguyên đơn có lối đi khác trên phần đất của ông Nguyễn Văn M.

[2] Qua xem xét thẩm định tại chỗ, mặc dù phần đất của gia đình bà Đ bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề nhưng từ phần đất của gia đình bà Đ ra đường công cộng có 02 hướng đi, cụ thể:

Hướng thứ nhất là lối đi mà nguyên đơn yêu cầu mở qua đất bị đơn, vị trí lối đi nguyên đơn yêu cầu mở qua thửa đất số 1, tờ bản đồ số 19, tọa lạc Ấp H, xã T với tổng diện tích là 47,9m² đến lộ công cộng (Đường tỉnh 882). Trên phần đất nguyên đơn yêu cầu mở lối đi có các tài sản của bị đơn như sau: Lô bê tông xi măng diện tích 45m²; tường xây gạch dày 100mm, tô xi măng, diện tích 29,8m²; tường xây gạch chưa tô xi măng (hàng gạch), diện tích 1,46m²; cổng rào khung thép; tường xây gạch dày 100mm, tô xi măng, cao 2,3m, ngang 1,7m, diện tích 3,9m² (tường rào chắn lối đi); các cây trồng trên lối đi gồm 02 cây chuối và 01 cây mận mới trồng; các vật kiến trúc khác là tường rào ranh của gia đình ông T .

Hướng đi thứ hai là hướng đi qua đất ông Nguyễn Văn M thuộc thửa đất số 244, tờ bản đồ số 8, tọa lạc Ấp H, xã T, huyện B. Theo hướng đi này, gia đình nguyên đơn hiện có 02 lối đi, cụ thể: Lối đi gần sát nhà buôn bán nước giải khát của ông M là đường đất có chiều rộng khoảng 1,2m, chiều dài 14,4m đến lộ công cộng (lộ bê tông Ấp H); lối đi thứ hai ở vị trí cấp ranh đất với ông Trần Duy T là đường đất có chiều rộng khoảng 3m, chiều dài khoảng 18m đến lộ công cộng (lộ bê tông Ấp H). Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng lối đi thứ hai này hiện tại đã bị rào bằng lưới B40. Cả hai lối đi này hiện tại là đất trống, không có công trình, kiến trúc, cây lâu năm trên lối đi.

Do hướng đi thứ nhất đã bị gia đình bị đơn rào lại nên gia đình nguyên đơn đang sử dụng các lối đi trên phần đất của ông Nguyễn Văn M.

[3] Xét thấy, các lối đi tạm trên phần đất của ông Nguyễn Văn M là lối đi đất, trên lối đi không có vật kiến trúc, cây lâu năm. Hơn nữa, thửa đất số 244 của ông M có chiều rộng giáp với lộ bê tông công cộng là khoảng 123m và chiều dài tính từ vị trí giáp ranh giữa đất nguyên đơn (thửa số 2, tờ bản đồ số 19) và đất ông M (thửa số 244, tờ bản đồ số 8) đến lộ bê tông công cộng là 17,99m, diện tích đất thửa 244 là 3.744,8m² (lớn hơn diện tích thửa đất số 1 của bị đơn). Mặc dù, nguyên đơn cho rằng ông M đã rào lại một trong hai lối đi nhưng chỉ rào bằng lưới B40 nên có thể tháo dỡ, di dời khi mở lối đi qua. Như vậy, các lối đi này bảo đảm thuận tiện cho gia đình bà Đ trong việc đi lại và ít gây phiền hà cho gia đình bà Đ, ông M cũng như gia đình ông T. Điều này phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“...Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi... Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên”*.

Ngược lại, nếu mở lối đi trên đất bị đơn thì thiệt hại gây ra sẽ là nhiều hơn do phần đất nguyên đơn yêu cầu mở lối đi trên đất bị đơn có chiều dài tính trung bình ở hai cạnh là 32m, diện tích là 47,9m² với giá trị phần đất lối đi là 335.300.000 đồng (7.000.000 đồng/m²), trên lối đi có nhiều vật kiến trúc của bị đơn xây dựng như: Lộ bê tông xi măng; tường xây gạch dày 100mm, tô xi măng; tường xây gạch chưa tô xi măng (hàng gạch); công rào khung thép. Đồng thời, diện tích đất của gia đình ông T thuộc thửa 1, tờ bản đồ số 19 khá nhỏ chỉ với 452,8m², trên đất đã có nhà ở, các phần mộ của thân tộc ông T.

Từ những phân tích trên nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn mở lối đi là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Bà

Nguyễn Thị Đ, Chị Bùi Mộng T1, chị Bùi Thị Yến H, anh Bùi Mộng T, chị Bùi Thị Yến X phải chịu án phí. Tuy nhiên, bà Đ là người cao tuổi nên bà được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Đ, Chị Bùi Mộng T1, chị Bùi Thị Yến H, anh Bùi Mộng T, chị Bùi Thị Yến X.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 171 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Đ, Chị Bùi Mộng T1, chị Bùi Thị Yến H, anh Bùi Mộng T, chị Bùi Thị Yến X về việc yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị L, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Kim Lan T mở lối đi có diện tích là 47,9m², chiều cao là 4m, lối đi thuộc một phần thửa đất số 1, tờ bản đồ số 19 (thửa 1A), tọa lạc Ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị L. Phần lối đi có tứ cận như sau:

- Đông giáp DT – 882 (đường tỉnh 882) rộng 1,42m;
- Tây giáp thửa 2, tờ bản đồ số 19 rộng 1,62m;
- Nam giáp thửa 7, tờ bản đồ số 27 dài 9,17m, 12,21m, 11,05m;
- Bắc giáp phần còn lại thửa 1, tờ bản đồ số 19 dài 9,34m, 12,28m, 10,91m.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá là 1.252.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên buộc các nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Đ, Chị Bùi Mộng T1, chị Bùi Thị Yến H, anh Bùi Mộng T, chị Bùi Thị Yến X phải liên đới chịu và đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí. Buộc các nguyên đơn Chị Bùi Mộng T1, chị Bùi Thị Yến H, anh Bùi Mộng T, chị Bùi Thị Yến X phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002849 ngày 12/4/2019 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005424

ngày 14/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B nên các anh chị được hoàn trả lại là 300.000 đồng.

3.2. Án phí phúc thẩm: Chị Bùi Mộng T1, anh Bùi Mộng T, chị Bùi Thị Yến H, chị Bùi Thị Yến X mỗi người phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0005497, 0005498, 0005499, 0005500 cùng ngày 10/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương